

KẾ HOẠCH ĐÀO TẠO CỬ NHÂN KHÓA QH2025.F.1 (2025-2029)**(Áp dụng cho SV học tiếng Pháp từ đầu)**

Đơn vị: Khoa NN và VH Pháp

Ngành/ Định hướng: Ngôn ngữ Pháp (Định hướng Biên Phiên)

Dành cho SV có năng lực tiếng Pháp bậc 1

CÁC HỌC PHẦN THUỘC KHỐI KIẾN THỨC CHUNG TRONG ĐHQGHN (Sinh viên đăng kí học theo kế hoạch năm học cụ thể. Số tín chỉ cho các học phần này không tính vào tổng số tín chỉ tích lũy của chương trình đào tạo)									
TT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Môn học trước	TT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Môn học trước
1		Giáo dục an ninh quốc phòng	8		2		Giáo dục thể chất	4	

CÁC MÔN HỌC THUỘC KHỐI KIẾN THỨC KHỐI NGÀNH VÀ CHUYÊN NGÀNH**Năm học 2025-2026**

Học Kỳ 1				
TT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ/tuần
1	HIS1056	Cơ sở văn hóa Việt Nam (SV có thể chọn học tại HKI hoặc HKII)	3	3
2		Ngoại ngữ B1	5	5
3	FRE2080	Tiếng Pháp 1A	3	6
4	FRE2081	Tiếng Pháp 1B	3	6
	FRE2090	Tiếng Pháp giao tiếp tổng hợp	0	3
		Cộng	14	23

Học Kỳ 2				
TT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ/tuần
5	PHI1006	Triết học Mác - Lênin	3	3
6	VLF1052	Nhập môn Việt ngữ học	3	3
7	INT1004	Tin học cơ sở 2	3	3
	FLF1018	Kỹ năng hỗ trợ	3	3
8	FRE2082	Tiếng Pháp 2A	3	6
9	FRE2083	Tiếng Pháp 2B	3	6
10	FRE2090	Tiếng Pháp giao tiếp tổng hợp	3	3
		(Tiếng Pháp giao tiếp tổng hợp sv học trong 2 HK, HK thứ 2 mới tính điểm môn học và số tín chỉ)		
		Cộng	18	27

Năm học 2026-2027

Học Kỳ 3				
TT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ/tuần
11	FLF1009	Tư duy sáng tạo và khởi nghiệp	3	3
12	PEC1008	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	2
13	FRE2084	Tiếng Pháp 3A	3	6
14	FRE2085	Tiếng Pháp 3B	3	6
15	FRE2052	Nghệ thuật diễn thuyết trước công chúng	3	6
		Tự chọn khối II.2 (SV có thể chọn học các HP nhóm này tại HK 4 hoặc HK 5)	6	6
	FLF1007	Công nghệ thông tin & truyền thông	3	3
	FLF1015	Học tập cùng cộng đồng	3	3
16		Tự chọn khối III.2 (SV có thể chọn học các HP nhóm này tại kì 3 hoặc kì 5)	6	6
	FLF1059	Thống kê và phân tích dữ liệu trong nghiên cứu khoa học	3	3
	VLF1053**	Tiếng Việt thực hành	3	3
	PHI1051**	Logic học đại cương	3	3
	FLF1056	Tư duy phê phán	3	3
	FLF1050	Cảm thụ nghệ thuật	3	3
		Cộng	17	26

Học Kỳ 4				
TT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ/tuần
17	PHI1002	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	2
18	FRE2087	Tiếng Pháp 4A	3	6
19	FRE2088	Tiếng Pháp 4B	3	6
20	THL1057	Nhà nước và pháp luật đại cương	2	2
21	FRE2086	Tiếng Pháp 3C	3	6
22-23		Tự chọn khối II.2	6	6
	FLF1010	Trí tuệ cảm xúc và giao tiếp xã hội	3	3
	FRE1003	Địa chính trị	3	3
	FRE1001B	Địa lí đại cương	3	3
	FRE1002	Môi trường và phát triển	3	3
	FLF1006	Tìm hiểu cộng đồng Châu Âu	3	3
	FLF1005	Tìm hiểu cộng đồng Châu Á	3	3
24		Tự chọn IV.2.2 (SV có thể chọn học các HP nhóm này tại kì 6 hoặc kì 7)	6	6
	FRE2091	Đọc hiểu chuyên đề	3	3
		Tự chọn khối III.2 (học phần dạy-học bằng T.Pháp)		
	FLF1002**	Phương pháp luận nghiên cứu khoa học	3	3
		Cộng	22	31

Năm học 2027-2028

Học Kỳ 5				
TT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ/tuần
25	POL1001	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	2
26	FRE2038	Ngôn ngữ học tiếng Pháp 1	3	3
27	FRE2047	Pháp ngữ học	3	3

Học Kỳ 6				
TT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ/tuần
31	HIS1001	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	2
32	FRE2039	Ngôn ngữ học tiếng Pháp 2	3	3
33	FRE2040	Giao tiếp liên văn hóa	3	3

28	FRE3038	Phương pháp tư liệu chuyên đề	3	3
29	FRE2043	Ngữ dụng học tiếng Pháp	3	3
		Tự chọn IV.2.2 (SV có thể chọn học các HP nhóm này tại năm 3 hoặc năm 4)	6	6
30		Tự chọn khối III.2 (SV có thể chọn học các HP nhóm này tại kì 3 hoặc kì 5)	6	6
	PSF1050	Tâm lý học đại cương	3	3
	HIS1053**	Lịch sử văn minh thế giới	3	3
	FLF1057	Văn hóa các nước ASEAN	3	3
	FLF1052	Tư duy hình ảnh	3	3
	FLF1053	Thiết kế cuộc đời	3	3
	FLF1054	Thư pháp	3	3
	FLF1055	Cổ học tinh hoa	3	3
		Cộng	17	17

34	FRE3017	Biên dịch	3	3
35		Tự chọn IV.2.2 (SV có thể chọn học các HP nhóm này tại năm 3 hoặc năm 4)	6	6
	FRE2045	Phân tích điển ngôn	3	3
	FRE2044	Ngữ nghĩa học	3	3
	FRE2035	Văn học Pháp ngữ	3	3
	FRE2046	Phân tích văn bản văn học	3	3
	FRE2056	Đất nước học Pháp	3	3
		Cộng	14	14

Năm học 2028-2029

Học Kỳ 7				
TT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ/tuần
36	FRE3034	Phiên dịch	3	3
37	FRE3032	Lý thuyết dịch	3	3
38-40		Tự chọn khối V.1.2 (SV có thể chọn học các HP nhóm này tại kì 7 hoặc kì 8)	9	9
	FRE3045	Tiếng Pháp kinh tế	3	3
	FRE3025	Kỹ năng nghiệp vụ phiên biên dịch	3	3
	FRE3040	Thuật ngữ học	3	3
	FRE3060	Phương pháp giảng dạy tiếng Pháp kết hợp	3	3
	FRE3048	Tiếng Pháp tài chính-ngân hàng	3	3
	FRE3041	Tiếng Pháp du lịch-khách sạn	3	3
	FRE3043	Tiếng Pháp giao tiếp trong kinh doanh	3	3
	FRE3044	Tiếng Pháp hành chính - văn phòng	3	3
	FRE3047	Tiếng Pháp luật	3	3
		Tự chọn IV.2.2 (SV có thể chọn học các HP nhóm này tại kì 6 hoặc kì 7)		
	ENG3087	Giao tiếp liên văn hóa và giải quyết xung đột	3	3
	ENG3088	Kỹ năng thuyết trình	3	3
		Cộng	15	15

Học Kỳ 8				
TT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ/tuần
41	FRE3019	Biên dịch nâng cao	3	3
42	FRE4001	Thực tập	3	
43-44	FRE4051	Khóa luận tốt nghiệp hoặc Môn thay thế khóa luận tốt nghiệp	6	
		Tự chọn khối V.1.2 (SV có thể chọn học các HP nhóm này tại kì 7 hoặc kì 8)	9	9
	FRE3036	Phiên dịch nâng cao	3	3
	FRE3035	Phiên dịch chuyên ngành	3	3
	FRE3033	Phân tích đánh giá bản dịch (Môn thay thế KLTN)	3	3
	FRE3018	Biên dịch chuyên ngành (Môn thay thế KLTN)	3	3
	FRE3051	Giao tiếp lễ tân ngoại giao	3	3
	FRE3027	Quản trị kinh doanh lưu hành	3	3
	FRE3071	Thiết kế tài liệu giảng dạy và kiểm tra đánh giá	3	3
	FRE3072	Giảng dạy tiếng Pháp theo các mục tiêu đặc thù	3	3
	ENG3089	Tiếng Anh kinh tế và doanh nghiệp	3	3
	ENG3090	Tiếng Anh phát triển nghề nghiệp	3	3
		Cộng	12	3

Tổng số tín chỉ toàn khóa:

129

Với các nhóm học phần tự chọn triển khai giảng dạy tại nhiều học kì, Sinh viên đã tích lũy đủ HP ở học kì này sẽ không tích lũy ở học kì khác.

TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(đã kí)

KT TRƯỞNG PHÒNG QUẢN LÝ NGƯỜI HỌC
(đã kí)

Hà Nội, ngày 20 tháng 03 năm 2025
KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG
(đã kí)

Đàm Minh Thủy

Nguyễn Quỳnh Hoa

Hà Lê Kim Anh

KẾ HOẠCH ĐÀO TẠO CỬ NHÂN KHÓA QH2025.F.1 (2025-2029)

Đơn vị: Khoa NN và VH Pháp

Ngành/ Định hướng: Ngôn ngữ Pháp (Định hướng Biên Phiên)

Dành cho SV có năng lực tiếng Pháp bậc 4

CÁC HỌC PHẦN THUỘC KHỐI KIẾN THỨC CHUNG TRONG ĐHQGHN

(Sinh viên đăng kí học theo kế hoạch năm học cụ thể. Số tín chỉ cho các học phần này không tính vào tổng số tín chỉ tích lũy của chương trình đào tạo)

TT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Môn tiên quyết	TT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Môn tiên quyết
1		Giáo dục an ninh quốc phòng	8		2		Giáo dục thể chất	4	

CÁC MÔN HỌC THUỘC KHỐI KIẾN THỨC KHỐI NGÀNH VÀ CHUYÊN NGÀNH

Năm học 2025-2026

Học Kỳ 1				
TT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ/ tuần
1	HIS1056	Cơ sở văn hóa Việt Nam (SV có thể chọn học tại HKI hoặc HKII)	3	3
2		Ngoại ngữ B1	5	5
3	FRE2092	Tranh biện về các vấn đề xã hội	3	6
4	FRE2093	Các loại hình văn bản tiếng Pháp	3	6
	FRE2052	Nghệ thuật diễn thuyết trước công chúng	0	3
		Cộng	14	23

Học Kỳ 2				
TT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ/ tuần
5	PHI1006	Triết học Mác - Lênin	3	3
6	VLF1052	Nhập môn Việt ngữ học	3	3
7	INT1004	Tin học cơ sở 2	3	3
	FLF1018	Kỹ năng bổ trợ	3	3
8	FRE2094	Tiếng Pháp giao tiếp đa phương tiện	3	6
9	FRE2090	Tiếng Pháp giao tiếp tổng hợp	3	3
10	FRE2052	Nghệ thuật diễn thuyết trước công chúng	3	3
		(Tiếng Pháp giao tiếp tổng hợp sv học trong 2 HK, HK thứ 2 mới tính điểm môn học và số tín chỉ)		
		Cộng	18	24

Năm học 2026-2027

Học Kỳ 3				
TT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ/ tuần
11	FLF1009	Tư duy sáng tạo và khởi nghiệp	3	3
12	PEC1008	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	2
13	FRE2084	Tiếng Pháp 3A	3	6
14	FRE2085	Tiếng Pháp 3B	3	6
15	FRE2095	Viết luận đại học	3	6
		Tự chọn khối II.2 (SV có thể chọn học các HP nhóm này tại HK 4 hoặc HK 5)	6	6
	FLF1007	Công nghệ thông tin & truyền thông	3	3
	FLF1015	Học tập cùng cộng đồng	3	3
16		Tự chọn khối III.2 (SV có thể chọn học các HP nhóm này tại kì 3 hoặc kì 5)	3	3
	FLF1059	Thông kê và phân tích dữ liệu trong nghiên cứu khoa học	3	3
	VLF1053**	Tiếng Việt thực hành	3	3
	PHI1051**	Logic học đại cương	3	3
	FLF1056	Tư duy phê phán	3	3
	FLF1050	Cảm thụ nghệ thuật	3	3
		Cộng	17	26

Học Kỳ 4				
TT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ/ tuần
17	PHI1002	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	2
18	FRE2087	Tiếng Pháp 4A	3	6
19	FRE2088	Tiếng Pháp 4B	3	6
20	THL1057	Nhà nước và pháp luật đại cương	2	2
21	FRE2086	Tiếng Pháp 3C	3	6
22-23		Tự chọn khối II.2	6	6
	FLF1010	Trí tuệ cảm xúc và giao tiếp xã hội	3	3
	FRE1003	Địa chính trị	3	3
	FRE1001B	Địa lí đại cương	3	3
	FRE1002	Môi trường và phát triển	3	3
	FLF1006	Tìm hiểu cộng đồng Châu Âu	3	3
	FLF1005	Tìm hiểu cộng đồng Châu Á	3	3
24		Tự chọn IV.2.2 (SV có thể chọn học các HP nhóm này tại kì 6 hoặc kì 7)	6	6
	FRE2091	Đọc hiểu chuyên đề	3	3
		Tự chọn khối III.2 (học phần dạy-học bằng T.Pháp)		
	FLF1002**	Phương pháp luận nghiên cứu khoa học	3	3
		Cộng	22	31

Năm học 2027-2028

Học Kỳ 5				
TT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ/ tuần
25	POL1001	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	2
26	FRE2038	Ngôn ngữ học tiếng Pháp 1	3	3
27	FRE2047	Pháp ngữ học	3	3

Học Kỳ 6				
TT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ/ tuần
31	HIS1001	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	2
32	FRE2039	Ngôn ngữ học tiếng Pháp 2	3	3
33	FRE2040	Giao tiếp liên văn hóa	3	3

28	FRE3038	Phương pháp tư liệu chuyên đề	3	3
29	FRE2043	Ngữ dụng học tiếng Pháp	3	3
		Tự chọn IV.2.2 (SV có thể chọn học các HP nhóm này tại năm 3 hoặc năm 4)	6	6
30		Tự chọn khối III.2 (SV có thể chọn học các HP nhóm này tại kì 3 hoặc kì 5)	6	6
	PSF1050	Tâm lý học đại cương	3	3
	HIS1053**	Lịch sử văn minh thế giới	3	3
	FLF1057	Văn hóa các nước ASEAN	3	3
	FLF1052	Tư duy hình ảnh	3	3
	FLF1053	Thiết kế cuộc đời	3	3
	FLF1054	Thư pháp	3	3
	FLF1055	Cổ học tình hoa	3	3
		Cộng	17	17

34	FRE3017	Biên dịch	3	3
35		Tự chọn IV.2.2 (SV có thể chọn học các HP nhóm này tại năm 3 hoặc năm 4)	6	6
	FRE2045	Phân tích điển ngôn	3	3
	FRE2044	Ngữ nghĩa học	3	3
	FRE2035	Văn học Pháp ngữ	3	3
	FRE2046	Phân tích văn bản văn học	3	3
	FRE2056	Đất nước học Pháp	3	3
		Cộng	14	14

Năm học 2028-2029

Học Kỳ 7				
TT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ/tuần
36	FRE3034	Phiên dịch	3	3
37	FRE3032	Lý thuyết dịch	3	3
38-40		Tự chọn khối V.1.2 (SV có thể chọn học các HP nhóm này tại kì 7 hoặc kì 8)	9	9
	FRE3045	Tiếng Pháp kinh tế	3	3
	FRE3036	Phiên dịch nâng cao	3	3
	FRE3060	Phương pháp giảng dạy tiếng Pháp kết hợp	3	3
	FRE3048	Tiếng Pháp tài chính-ngân hàng	3	3
	FRE3041	Tiếng Pháp du lịch-khách sạn	3	3
	FRE3043	Tiếng Pháp giao tiếp trong kinh doanh	3	3
	FRE3044	Tiếng Pháp hành chính -văn phòng (Môn thay thế KLTN)	3	3
	FRE3047	Tiếng Pháp luật	3	3
		Tự chọn IV.2.2 (SV có thể chọn học các HP nhóm này tại kì 6 hoặc kì 7)		
	ENG3087	Giao tiếp liên văn hóa và giải quyết xung đột	3	3
	ENG3088	Kỹ năng thuyết trình	3	3
		Cộng	15	15

Học Kỳ 8				
TT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ/tuần
41	FRE3019	Biên dịch nâng cao	3	3
42	FRE4001	Thực tập	3	
43-44	FRE4051	Khóa luận tốt nghiệp hoặc Môn thay thế khóa luận tốt nghiệp	6	
		Tự chọn khối V.1.2 (SV có thể chọn học các HP nhóm này tại kì 7 hoặc kì 8)	9	9
	FRE3018	Biên dịch chuyên ngành	3	3
	FRE3025	Kỹ năng nghiệp vụ phiên biên dịch	3	3
	FRE3033	Phân tích đánh giá bản dịch	3	3
	FRE3040	Thuật ngữ học	3	3
	FRE3035	Phiên dịch chuyên ngành	3	3
	FRE3051	Giao tiếp lễ tân ngoại giao (Môn thay thế KLTN)	3	3
	FRE3027	Quản trị kinh doanh lý hành	3	3
	FRE3071	Thiết kế tài liệu giảng dạy và kiểm tra đánh giá	3	3
	FRE3072	Giảng dạy tiếng Pháp theo các mục tiêu đặc thù	3	3
	ENG3089	Tiếng Anh kinh tế và doanh nghiệp	3	3
	ENG3090	Tiếng Anh phát triển nghề nghiệp	3	3
		Cộng	12	3

Tổng số tín chỉ toàn khóa: 129

Với các nhóm học phần tự chọn triển khai giảng dạy tại nhiều học kì, Sinh viên đã tích lũy đủ HP ở học kì này sẽ không tích lũy ở học kì khác.

TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(đã kí)

KT TRƯỞNG PHÒNG QUẢN LÝ NGƯỜI HỌC
(đã kí)

Hà Nội, ngày 20 tháng 03 năm 2025
KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

(đã kí)

Đàm Minh Thủy

Nguyễn Quỳnh Hoa

Hà Lê Kim Anh

KẾ HOẠCH ĐÀO TẠO CỬ NHÂN KHÓA QH2025.F.1 (2025-2029)**(Áp dụng cho SV học tiếng Pháp từ đầu)**

Đơn vị: Khoa NN và VH Pháp

Ngành/ Định hướng: Ngôn ngữ Pháp (Định hướng Du lịch)

Dành cho SV có năng lực tiếng Pháp bậc 1

CÁC HỌC PHẦN THUỘC KHỐI KIẾN THỨC CHUNG TRONG ĐHQGHN

(Sinh viên đăng kí học theo kế hoạch năm học cụ thể. Số tín chỉ cho các học phần này không tính vào tổng số tín chỉ tích lũy của chương trình đào tạo)

TT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Môn tiên quyết	TT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Môn tiên quyết
1		Giáo dục an ninh quốc phòng	8		2		Giáo dục thể chất	4	

CÁC MÔN HỌC THUỘC KHỐI KIẾN THỨC KHỐI NGÀNH VÀ CHUYÊN NGÀNH**Năm học 2025-2026**

Học Kỳ 1				
TT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ/ tuần
1	HIS1056	Cơ sở văn hóa Việt Nam (SV có thể chọn học tại HKI hoặc HKII)	3	3
2		Ngoại ngữ B1	5	5
3	FRE2080	Tiếng Pháp 1A	3	6
4	FRE2081	Tiếng Pháp 1B	3	6
	FRE2090	Tiếng Pháp giao tiếp tổng hợp	0	3
		Cộng	14	23

Học Kỳ 2				
TT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ/ tuần
5	PHI1006	Triết học Mác - Lênin	3	3
6	VLF1052	Nhập môn Việt ngữ học	3	3
7	INT1004	Tin học cơ sở 2	3	3
	FLF1018	Kỹ năng bổ trợ	3	3
8	FRE2082	Tiếng Pháp 2A	3	6
9	FRE2083	Tiếng Pháp 2B	3	6
10	FRE2090	Tiếng Pháp giao tiếp tổng hợp	3	3
		(Tiếng Pháp giao tiếp tổng hợp sv học trong 2 HK, HK thứ 2 mới tính điểm môn học và số tín chỉ)		
		Cộng	18	27

Năm học 2026-2027

Học Kỳ 3				
TT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ/ tuần
11	FLF1009	Tư duy sáng tạo và khởi nghiệp	3	3
12	PEC1008	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	2
13	FRE2084	Tiếng Pháp 3A	3	6
14	FRE2085	Tiếng Pháp 3B	3	6
15	FRE2052	Nghệ thuật diễn thuyết trước công chúng	3	6
		Tự chọn khối II.2 (SV có thể chọn học các HP nhóm này tại HK 4 hoặc HK 5)	6	6
	FLF1007	Công nghệ thông tin & truyền thông	3	3
	FLF1015	Học tập cùng cộng đồng	3	3
16		Tự chọn khối III.2 (SV có thể chọn học các HP nhóm này tại kì 3 hoặc kì 5)	3	3
	FLF1059	Thống kê và phân tích dữ liệu trong nghiên cứu khoa học	3	3
	VLF1053**	Tiếng Việt thực hành	3	3
	PHI1051**	Logic học đại cương	3	3
	FLF1056	Tư duy phê phán	3	3
	FLF1050	Cảm thụ nghệ thuật	3	3
		Cộng	17	26

Học Kỳ 4				
TT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ/ tuần
17	PHI1002	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	2
18	FRE2087	Tiếng Pháp 4A	3	6
19	FRE2088	Tiếng Pháp 4B	3	6
20	THL1057	Nhà nước và pháp luật đại cương	2	2
21	FRE2086	Tiếng Pháp 3C	3	6
22-23		Tự chọn khối II.2	6	6
	FLF1010	Trí tuệ cảm xúc và giao tiếp xã hội	3	3
	FRE1003	Địa chính trị	3	3
	FRE1001B	Địa lí đại cương	3	3
	FRE1002	Môi trường và phát triển	3	3
	FLF1006	Tìm hiểu cộng đồng Châu Âu	3	3
	FLF1005	Tìm hiểu cộng đồng Châu Á	3	3
24		Tự chọn IV.2.2 (SV có thể chọn học các HP nhóm này tại kì 6 hoặc kì 7)	6	6
	FRE2091	Đọc hiểu chuyên đề	3	3
		Tự chọn khối III.2 (học phần dạy-học bằng T.Pháp)		
	FLF1002**	Phương pháp luận nghiên cứu khoa học	3	3
		Cộng	22	31

Năm học 2027-2028

Học Kỳ 5				
TT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ/ tuần
25	POL1001	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	2
26	FRE2038	Ngôn ngữ học tiếng Pháp 1	3	3

Học Kỳ 6				
TT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ/ tuần
31	HIS1001	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	2
32	FRE2039	Ngôn ngữ học tiếng Pháp 2	3	3

KẾ HOẠCH ĐÀO TẠO CỬ NHÂN KHÓA QH2025.F.1 (2025-2029)

Đơn vị: Khoa NN và VH Pháp

Ngành/ Định hướng: Ngôn ngữ Pháp (Định hướng Du lịch)

Dành cho SV có năng lực tiếng Pháp bậc 4

CÁC HỌC PHẦN THUỘC KHỐI KIẾN THỨC CHUNG TRONG ĐHQGHN

(Sinh viên đăng kí học theo kế hoạch năm học cụ thể. Số tín chỉ cho các học phần này không tính vào tổng số tín chỉ tích lũy của chương trình đào tạo)

TT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Môn tiên quyết	TT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Môn tiên quyết
1		Giáo dục an ninh quốc phòng	8		2		Giáo dục thể chất	4	

CÁC MÔN HỌC THUỘC KHỐI KIẾN THỨC KHỐI NGÀNH VÀ CHUYÊN NGÀNH**Năm học 2025-2026**

Học Kỳ 1				
TT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ/ tuần
1	HIS1056	Cơ sở văn hóa Việt Nam (SV có thể chọn học tại HKI hoặc HKII)	3	3
2		Ngoại ngữ B1	5	5
3	FRE2092	Tranh biện về các vấn đề xã hội	3	6
4	FRE2093	Các loại hình văn bản tiếng Pháp	3	6
	FRE2052	Nghệ thuật diễn thuyết trước công chúng	0	3
		Cộng	14	23

Học Kỳ 2				
TT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ/ tuần
5	PHI1006	Triết học Mác - Lênin	3	3
6	VL1052	Nhập môn Việt ngữ học	3	3
7	INT1004	Tin học cơ sở 2	3	3
	FLF1018	Kỹ năng bổ trợ	3	3
8	FRE2094	Tiếng Pháp giao tiếp đa phương tiện	3	6
9	FRE2090	Tiếng Pháp giao tiếp tổng hợp	3	3
10	FRE2052	Nghệ thuật diễn thuyết trước công chúng	3	3
		(Tiếng Pháp giao tiếp tổng hợp sv học trong 2 HK, HK thứ 2 mới tính điểm môn học và số tín chỉ)		
		Cộng	18	24

Năm học 2026-2027

Học Kỳ 3				
TT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ/ tuần
11	FLF1009	Tư duy sáng tạo và khởi nghiệp	3	3
12	PEC1008	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	2
13	FRE2084	Tiếng Pháp 3A	3	6
14	FRE2085	Tiếng Pháp 3B	3	6
15	FRE2095	Viết luận đại học	3	6
		Tự chọn khối II.2 (SV có thể chọn học các HP nhóm này tại HK 4 hoặc HK 5)	6	6
	FLF1007	Công nghệ thông tin & truyền thông	3	3
	FLF1015	Học tập cùng cộng đồng	3	3
16		Tự chọn khối III.2 (SV có thể chọn học các HP nhóm này tại kì 3 hoặc kì 5)	3	3
	FLF1059	Thống kê và phân tích dữ liệu trong nghiên cứu khoa học	3	3
	VL1053**	Tiếng Việt thực hành	3	3
	PHI1051**	Logic học đại cương	3	3
	FLF1056	Tư duy phê phán	3	3
	FLF1050	Cảm thụ nghệ thuật	3	3
		Cộng	17	26

Học Kỳ 4				
TT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ/ tuần
17	PHI1002	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	2
18	FRE2087	Tiếng Pháp 4A	3	6
19	FRE2088	Tiếng Pháp 4B	3	6
20	THL1057	Nhà nước và pháp luật đại cương	2	2
21	FRE2086	Tiếng Pháp 3C	3	6
22-23		Tự chọn khối II.2	6	6
	FLF1010	Trí tuệ cảm xúc và giao tiếp xã hội	3	3
	FRE1003	Địa chính trị	3	3
	FRE1001B	Địa lí đại cương	3	3
	FRE1002	Môi trường và phát triển	3	3
	FLF1006	Tìm hiểu cộng đồng Châu Âu	3	3
	FLF1005	Tìm hiểu cộng đồng Châu Á	3	3
24		Tự chọn khối IV.2.2 (SV có thể chọn học các HP nhóm này tại kì 6 hoặc kì 7)	6	6
	FRE2091	Đọc hiểu chuyên đề	3	3
		Tự chọn khối III.2 (học phần đv-học bằng T.Pháp)		
	FLF1002**	Phương pháp luận nghiên cứu khoa học	3	3
		Cộng	22	31

Năm học 2027-2028

Học Kỳ 5				
TT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ/ tuần
25	POL1001	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	2
26	FRE2038	Ngôn ngữ học tiếng Pháp 1	3	3
27	FRE2047	Pháp ngữ học	3	3
28	FRE3053	Nhập môn khoa học du lịch	3	3

Học Kỳ 6				
TT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ/ tuần
31	HIS1001	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	2
32	FRE2039	Ngôn ngữ học tiếng Pháp 2	3	3
33	FRE2040	Giao tiếp liên văn hóa	3	3
34	FRE3041	Tiếng Pháp du lịch - khách sạn	3	3

29	FRE2043	Ngữ dụng học tiếng Pháp	3	3
		Tự chọn IV.2.2 (SV có thể chọn học các HP nhóm này tại năm 3 hoặc năm 4)	6	6
30		Tự chọn khối III.2 (SV có thể chọn học các HP nhóm này tại kì 3 hoặc kì 5)	6	6
	PSF1050	Tâm lý học đại cương	3	3
	HIS1053**	Lịch sử văn minh thế giới	3	3
	FLF1057	Văn hóa các nước ASEAN	3	3
	FLF1052	Tư duy hình ảnh	3	3
	FLF1053	Thiết kế cuộc đời	3	3
	FLF1054	Thư pháp	3	3
	FLF1055	Cổ học tinh hoa	3	3
		Cộng	17	17

35		Tự chọn IV.2.2 (SV có thể chọn học các HP nhóm này tại năm 3 hoặc năm 4)	6	6
	FRE2045	Phân tích điển ngôn	3	3
	FRE2044	Ngữ nghĩa học	3	3
	FRE2035	Văn học Pháp ngữ	3	3
	FRE2046	Phân tích văn bản văn học	3	3
	FRE2056	Đất nước học Pháp	3	3
		Cộng	14	14

Năm học 2028-2029

Học Kỳ 7				
TT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ/tuần
36	FRE3058	Hướng dẫn du lịch	3	3
37	FRE3022	Địa lý văn hóa du lịch tiếng Pháp	3	3
38-40		Tự chọn khối V.2.2 (SV có thể chọn học các HP nhóm này tại kì 7 hoặc kì 8)	9	9
	FRE3029	Quản trị kinh doanh khách sạn	3	3
	FRE3020	Quản trị dự án	3	3
	FRE3044	Tiếng Pháp hành chính – văn phòng	3	3
	FRE3060	Phương pháp giảng dạy tiếng Pháp kết hợp	3	3
	FRE3045	Tiếng Pháp kinh tế	3	3
	FRE3043	Tiếng Pháp giao tiếp trong kinh doanh	3	3
		Tự chọn IV.2.2 (SV có thể chọn học các HP nhóm này tại kì 6 hoặc kì 7)		
	ENG3087	Giao tiếp liên văn hóa và giải quyết xung đột	3	3
	ENG3088	Kỹ năng thuyết trình	3	3
		Cộng	15	15
		Tổng số tín chỉ toàn khóa:		129

Học Kỳ 8				
TT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ/tuần
41	FRE3027	Quản trị kinh doanh lữ hành	3	3
42	FRE4001	Thực tập	3	3
43-44	FRE4051	Khóa luận tốt nghiệp hoặc Môn thay thế khóa luận tốt nghiệp	6	6
		Tự chọn khối V.2.2 (SV có thể chọn học các HP nhóm này tại kì 7 hoặc kì 8)	9	9
	FRE3035	Phiên dịch chuyên ngành	3	3
	FRE3018	Biên dịch chuyên ngành	3	3
	FRE3051	Giao tiếp lễ tân ngoại giao	3	3
	FRE3071	Thiết kế tài liệu giảng dạy và kiểm tra đánh giá	3	3
	FRE3072	Giảng dạy tiếng Pháp theo các mục tiêu đặc thù	3	3
	ENG3089	Tiếng Anh kinh tế và doanh nghiệp	3	3
	ENG3090	Tiếng Anh phát triển nghề nghiệp	3	3
	FRE3034	Phiên dịch (Môn thay thế KLTV)	3	3
	FRE3017	Biên dịch (Môn thay thế KLTV)	3	3
		Cộng	12	12

Với các nhóm học phần tự chọn triển khai giảng dạy tại nhiều học kì, Sinh viên đã tích lũy đủ HP ở học kì này sẽ không tích lũy ở học kì khác.

TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(đã kí)

KT TRƯỞNG PHÒNG QUẢN LÝ NGƯỜI HỌC
(đã kí)

Hà Nội, ngày 20 tháng 03 năm 2025
KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG
(đã kí)

Đàm Minh Thủy

Nguyễn Quỳnh Hoa

Hà Lê Kim Anh

KẾ HOẠCH ĐÀO TẠO CỬ NHÂN KHÓA QH2025.F.1 (2025-2029)**(Áp dụng cho SV học tiếng Pháp từ đầu)**

Đơn vị: Khoa NN và VH Pháp

Ngành/ Định hướng: Ngôn ngữ Pháp (Định hướng Kinh tế)

Dành cho SV có năng lực tiếng Pháp bậc 1

CÁC HỌC PHẦN THUỘC KHỐI KIẾN THỨC CHUNG TRONG ĐHQGHN

(Sinh viên đăng kí học theo kế hoạch năm học cụ thể. Số tín chỉ cho các học phần này không tính vào tổng số tín chỉ tích lũy của chương trình đào tạo)

TT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Môn tiên quyết	TT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Môn tiên quyết
1		Giáo dục an ninh quốc phòng	8		2		Giáo dục thể chất	4	

CÁC MÔN HỌC THUỘC KHỐI KIẾN THỨC KHỐI NGÀNH VÀ CHUYÊN NGÀNH**Năm học 2025-2026**

Học Kỳ 1				
TT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ/ tuần
1	HIS1056	Cơ sở văn hóa Việt Nam (SV có thể chọn học tại HKI hoặc HKII)	3	3
2		Ngoại ngữ B1	5	5
3	FRE2080	Tiếng Pháp 1A	3	6
4	FRE2081	Tiếng Pháp 1B	3	6
	FRE2090	Tiếng Pháp giao tiếp tổng hợp	0	3
		Cộng	14	23

Học Kỳ 2				
TT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ/ tuần
5	PHI1006	Triết học Mác - Lênin	3	3
6	VLF1052	Nhập môn Việt ngữ học	3	3
7	INT1004	Tin học cơ sở 2	3	3
	FLF1018	Kỹ năng bổ trợ	3	3
8	FRE2082	Tiếng Pháp 2A	3	6
9	FRE2083	Tiếng Pháp 2B	3	6
10	FRE2090	Tiếng Pháp giao tiếp tổng hợp	3	3
		(Tiếng Pháp giao tiếp tổng hợp sv học trong 2 HK, HK thứ 2 mỗi tính điểm môn học và số tín chỉ)		
		Cộng	18	27

Năm học 2026-2027

Học Kỳ 3				
TT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ/ tuần
11	FLF1009	Tư duy sáng tạo và khởi nghiệp	3	3
12	PEC1008	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	2
13	FRE2084	Tiếng Pháp 3A	3	6
14	FRE2085	Tiếng Pháp 3B	3	6
15	FRE2052	Nghệ thuật diễn thuyết trước công chúng	3	6
		Tự chọn khối II.2 (SV có thể chọn học các HP nhóm này tại HK 4 hoặc HK 5)	6	6
	FLF1007	Công nghệ thông tin & truyền thông	3	3
	FLF1015	Học tập cùng cộng đồng	3	3
16		Tự chọn khối III.2 (SV có thể chọn học các HP nhóm này tại kì 3 hoặc kì 5)	3	3
	FLF1059	Thống kê và phân tích dữ liệu trong nghiên cứu khoa học	3	3
	VLF1053**	Tiếng Việt thực hành	3	3
	PHI1051**	Logic học đại cương	3	3
	FLF1056	Tư duy phê phán	3	3
	FLF1050	Cảm thụ nghệ thuật	3	3
		Cộng	17	26

Học Kỳ 4				
TT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ/ tuần
17	PHI1002	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	2
18	FRE2087	Tiếng Pháp 4A	3	6
19	FRE2088	Tiếng Pháp 4B	3	6
20	THL1057	Nhà nước và pháp luật đại cương	2	2
21	FRE2086	Tiếng Pháp 3C	3	6
22-23		Tự chọn khối II.2	6	6
	FLF1010	Trí tuệ cảm xúc và giao tiếp xã hội	3	3
	FRE1003	Địa chính trị	3	3
	FRE1001B	Địa lí đại cương	3	3
	FRE1002	Môi trường và phát triển	3	3
	FLF1006	Tìm hiểu cộng đồng Châu Âu	3	3
	FLF1005	Tìm hiểu cộng đồng Châu Á	3	3
24		Tự chọn khối IV.2.2 (SV có thể chọn học các HP nhóm này tại kì 6 hoặc kì 7)	6	6
	FRE2091	Đọc hiểu chuyên đề	3	3
		Tự chọn khối III.2 (học phần dạy-học bằng T.Pháp)		
	FLF1002**	Phương pháp luận nghiên cứu khoa học	3	3
		Cộng	22	31

Năm học 2027-2028

Học Kỳ 5				
TT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ/ tuần
25	POL1001	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	2
26	FRE2038	Ngôn ngữ học tiếng Pháp 1	3	3

Học Kỳ 6				
TT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ/ tuần
31	HIS1001	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	2
32	FRE2039	Ngôn ngữ học tiếng Pháp 2	3	3

KẾ HOẠCH ĐÀO TẠO CỬ NHÂN KHÓA QH2025.F.1 (2025-2029)

Đơn vị: Khoa NN và VH Pháp

Ngành/ Định hướng: Ngôn ngữ Pháp (Định hướng Kinh tế)

Dành cho SV có năng lực tiếng Pháp bậc 4

CÁC HỌC PHẦN THUỘC KHỐI KIẾN THỨC CHUNG TRONG ĐHQGHN

(Sinh viên đăng ký học theo kế hoạch năm học cụ thể. Số tín chỉ cho các học phần này không tính vào tổng số tín chỉ tích lũy của chương trình đào tạo)

TT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Môn tiên quyết	TT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Môn tiên quyết
1		Giáo dục an ninh quốc phòng	8		2		Giáo dục thể chất	4	

CÁC MÔN HỌC THUỘC KHỐI KIẾN THỨC KHỐI NGÀNH VÀ CHUYÊN NGÀNH

Năm học 2025-2026

Học Kỳ 1				
TT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ/tuần
1	HIS1056	Cơ sở văn hóa Việt Nam (SV có thể chọn học tại HKI hoặc HKII)	3	3
2		Ngoại ngữ B1	5	5
3	FRE2092	Tranh biện về các vấn đề xã hội	3	6
4	FRE2093	Các loại hình văn bản tiếng Pháp	3	6
	FRE2052	Nghệ thuật diễn thuyết trước công chúng	0	3
		Cộng	14	23

Học Kỳ 2				
TT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ/tuần
5	PHI1006	Triết học Mác - Lênin	3	3
6	VLF1052	Nhập môn Việt ngữ học	3	3
7	INT1004	Tin học cơ sở 2	3	3
	FLF1018	Kỹ năng hỗ trợ	3	3
8	FRE2094	Tiếng Pháp giao tiếp đa phương tiện	3	6
9	FRE2090	Tiếng Pháp giao tiếp tổng hợp	3	3
10	FRE2052	Nghệ thuật diễn thuyết trước công chúng	3	3
		(Tiếng Pháp giao tiếp tổng hợp sv học trong 2 HK, HK thứ 2 mới tính điểm môn học và số tín chỉ)		
		Cộng	18	24

Năm học 2026-2027

Học Kỳ 3				
TT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ/tuần
11	FLF1009	Tư duy sáng tạo và khởi nghiệp	3	3
12	PEC1008	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	2
13	FRE2084	Tiếng Pháp 3A	3	6
14	FRE2085	Tiếng Pháp 3B	3	6
15	FRE2095	Viết luận đại học	3	6
		Tự chọn khối II.2 (SV có thể chọn học các HP nhóm này tại HK 4 hoặc HK 5)	6	6
	FLF1007	Công nghệ thông tin & truyền thông	3	3
	FLF1015	Học tập cùng cộng đồng	3	3
16		Tự chọn khối III.2 (SV có thể chọn học các HP nhóm này tại kì 3 hoặc kì 5)	3	3
	FLF1059	Thông kê và phân tích dữ liệu trong nghiên cứu khoa học	3	3
	VLF1053**	Tiếng Việt thực hành	3	3
	PHI1051**	Logic học đại cương	3	3
	FLF1056	Tư duy phê phán	3	3
	FLF1050	Cảm thụ nghệ thuật	3	3
		Cộng	17	26

Học Kỳ 4				
TT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ/tuần
17	PHI1002	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	2
18	FRE2087	Tiếng Pháp 4A	3	6
19	FRE2088	Tiếng Pháp 4B	3	6
20	THL1057	Nhà nước và pháp luật đại cương	2	2
21	FRE2086	Tiếng Pháp 3C	3	6
22-23		Tự chọn khối II.2	6	6
	FLF1010	Trí tuệ cảm xúc và giao tiếp xã hội	3	3
	FRE1003	Địa chính trị	3	3
	FRE1001B	Địa lí đại cương	3	3
	FRE1002	Môi trường và phát triển	3	3
	FLF1006	Tìm hiểu cộng đồng Châu Âu	3	3
	FLF1005	Tìm hiểu cộng đồng Châu Á	3	3
24		Tự chọn IV.2.2 (SV có thể chọn học các HP nhóm này tại kì 6 hoặc kì 7)	6	6
	FRE2091	Đọc hiểu chuyên đề	3	3
		Tự chọn khối III.2 (học phần đăc-học bằng T.Pháp)		
	FLF1002**	Phương pháp luận nghiên cứu khoa học	3	3
		Cộng	22	31

Năm học 2027-2028

Học Kỳ 5				
TT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ/tuần
25	POL1001	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	2
26	FRE2038	Ngôn ngữ học tiếng Pháp 1	3	3
27	FRE2047	Pháp ngữ học	3	3

Học Kỳ 6				
TT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ/tuần
31	HIS1001	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	2
32	FRE2039	Ngôn ngữ học tiếng Pháp 2	3	3
33	FRE2040	Giao tiếp liên văn hóa	3	3

28	FRE3045	Tiếng Pháp kinh tế	3	3
29	FRE2043	Ngữ dụng học tiếng Pháp	3	3
		Tự chọn IV.2.2 (SV có thể chọn học các HP nhóm này tại năm 3 hoặc năm 4)	6	6
30		Tự chọn khối III.2 (SV có thể chọn học các HP nhóm này tại kì 3 hoặc kì 5)	6	6
	PSF1050	Tâm lý học đại cương	3	3
	HIS1053**	Lịch sử văn minh thế giới	3	3
	FLF1057	Văn hóa các nước ASEAN	3	3
	FLF1052	Tư duy hình ảnh	3	3
	FLF1053	Thiết kế cuộc đời	3	3
	FLF1054	Thư pháp	3	3
	FLF1055	Cổ học tinh hoa	3	3
		Cộng	17	17

34	FRE3059	Kinh tế Cộng đồng Pháp ngữ	3	3
35		Tự chọn IV.2.2 (SV có thể chọn học các HP nhóm này tại năm 3 hoặc năm 4)	6	6
	FRE2045	Phân tích điển ngôn	3	3
	FRE2044	Ngữ nghĩa học	3	3
	FRE2035	Văn học Pháp ngữ	3	3
	FRE2046	Phân tích văn bản văn học	3	3
	FRE2056	Đất nước học Pháp	3	3
		Cộng	14	14

Năm học 2028-2029

Học Kỳ 7				
TT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ/ tuần
36	FRE3028	Kinh tế Pháp đương đại	3	3
37	FRE3047	Tiếng Pháp Luật	3	3
38-40		Tự chọn khối V.3.2 (SV có thể chọn học các HP nhóm này tại kì 7 hoặc kì 8)	9	9
	FRE3048	Tiếng Pháp tài chính - ngân hàng	3	3
	FRE3043	Tiếng Pháp giao tiếp trong kinh doanh	3	3
	FRE3044	Tiếng Pháp hành chính – văn phòng	3	3
	FRE3060	Phương pháp giảng dạy tiếng Pháp kết hợp	3	3
	FRE3046	Tiếng Pháp kinh tế nâng cao	3	3
	FRE3029	Quản trị kinh doanh khách sạn	3	3
		Tự chọn IV.2.2 (SV có thể chọn học các HP nhóm này tại kì 5 hoặc kì 6 -7)		
	ENG3087	Giao tiếp liên văn hóa và giải quyết xung đột	3	3
	ENG3088	Kỹ năng thuyết trình	3	3
		Cộng	15	15
		Tổng số tín chỉ toàn khóa:		129

Học Kỳ 8				
TT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ/ tuần
41	FRE3020	Quản trị dự án	3	3
42	FRE4001	Thực tập	3	
43-44	FRE4051	Khóa luận tốt nghiệp hoặc môn thay thế khóa luận tốt nghiệp	6	
		Tự chọn khối V.3.2 (SV có thể chọn học các HP nhóm này tại kì 7 hoặc kì 8)	9	9
	FRE3034	Phiên dịch (Môn thay thế KLTN)	3	3
	FRE3017	Biên dịch (Môn thay thế KLTN)	3	3
	FRE3027	Quản trị kinh doanh lý hành	3	3
	FRE3071	Thiết kế tài liệu giảng dạy và kiểm tra đánh giá	3	3
	FRE3072	Giảng dạy tiếng Pháp theo các mục tiêu đặc thù	3	3
	ENG3089	Tiếng Anh kinh tế và doanh nghiệp	3	3
	ENG3090	Tiếng Anh phát triển nghề nghiệp	3	3
		Cộng	12	6

Với các nhóm học phần tự chọn triển khai giảng dạy tại nhiều học kì, Sinh viên đã tích lũy đủ HP ở học kì này sẽ không tích lũy ở học kì khác.

TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(đã kí)

KT TRƯỞNG PHÒNG QUẢN LÝ NGƯỜI HỌC
(đã kí)

Hà Nội, ngày 20 tháng 03 năm 2025
KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

(đã kí)

Đàm Minh Thủy

Nguyễn Quỳnh Hoa

Hà Lê Kim Anh

KẾ HOẠCH ĐÀO TẠO CỬ NHÂN KHÓA QH2025.F.1 (2025-2029)**(Áp dụng cho SV học tiếng Pháp từ đầu)**

Đơn vị: Khoa NN và VH Pháp

Ngành/ Định hướng: Ngôn ngữ Pháp (Định hướng Truyền thông)

Dành cho SV có năng lực tiếng Pháp bậc 1

CÁC HỌC PHẦN THUỘC KHỐI KIẾN THỨC CHUNG TRONG ĐHQGHN

(Sinh viên đăng kí học theo kế hoạch năm học cụ thể. Số tín chỉ cho các học phần này không tính vào tổng số tín chỉ tích lũy của chương trình đào tạo)

TT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Môn tiên quyết	TT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Môn tiên quyết
1		Giáo dục an ninh quốc phòng	8		2		Giáo dục thể chất	4	

CÁC MÔN HỌC THUỘC KHỐI KIẾN THỨC KHỐI NGÀNH VÀ CHUYÊN NGÀNH**Năm học 2025-2026**

Học Kỳ 1				
TT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ/ tuần
1	HIS1056	Cơ sở văn hóa Việt Nam (SV có thể chọn học tại HKI hoặc HKII)	3	3
2		Ngoại ngữ B1	5	5
3	FRE2080	Tiếng Pháp 1A	3	6
4	FRE2081	Tiếng Pháp 1B	3	6
	FRE2090	Tiếng Pháp giao tiếp tổng hợp	0	3
		Cộng	14	23

Học Kỳ 2				
TT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ/ tuần
5	PHI1006	Triết học Mác - Lênin	3	3
6	VLF1052	Nhập môn Việt ngữ học	3	3
7	INT1004	Tin học cơ sở 2	3	3
	FLF1018	Kỹ năng bổ trợ	3	3
8	FRE2082	Tiếng Pháp 2A	3	6
9	FRE2083	Tiếng Pháp 2B	3	6
10	FRE2090	Tiếng Pháp giao tiếp tổng hợp	3	3
		(Tiếng Pháp giao tiếp tổng hợp sv học trong 2 HK, HK thứ 2 mỗi tính điểm môn học và số tín chỉ)		
		Cộng	18	27

Năm học 2026-2027

Học Kỳ 3				
TT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ/ tuần
11	FLF1009	Tư duy sáng tạo và khởi nghiệp	3	3
12	PEC1008	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	2
13	FRE2084	Tiếng Pháp 3A	3	6
14	FRE2085	Tiếng Pháp 3B	3	6
15	FRE2052	Nghệ thuật diễn thuyết trước công chúng	3	6
		Tự chọn khối II.2 (SV có thể chọn học các HP nhóm này tại HK 4 hoặc HK 5)	6	6
	FLF1007	Công nghệ thông tin & truyền thông	3	3
	FLF1015	Học tập cùng cộng đồng	3	3
16		Tự chọn khối III.2 (SV có thể chọn học các HP nhóm này tại kì 3 hoặc kì 5)	3	3
	FLF1059	Thống kê và phân tích dữ liệu trong nghiên cứu khoa học	3	3
	VLF1053**	Tiếng Việt thực hành	3	3
	PHI1051**	Logic học đại cương	3	3
	FLF1056	Tư duy phê phán	3	3
	FLF1050	Cảm thụ nghệ thuật	3	3
		Cộng	17	26

Học Kỳ 4				
TT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ/ tuần
17	PHI1002	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	2
18	FRE2087	Tiếng Pháp 4A	3	6
19	FRE2088	Tiếng Pháp 4B	3	6
20	THL1057	Nhà nước và pháp luật đại cương	2	2
21	FRE2086	Tiếng Pháp 3C	3	6
22-23		Tự chọn khối II.2	6	6
	FLF1010	Trí tuệ cảm xúc và giao tiếp xã hội	3	3
	FRE1003	Địa chính trị	3	3
	FRE1001B	Địa lí đại cương	3	3
	FRE1002	Môi trường và phát triển	3	3
	FLF1006	Tìm hiểu cộng đồng Châu Âu	3	3
	FLF1005	Tìm hiểu cộng đồng Châu Á	3	3
24		Tự chọn IV.2.2 (SV có thể chọn học các HP nhóm này tại kì 6 hoặc kì 7)	6	6
	FRE2091	Đọc hiểu chuyên đề	3	3
		Tự chọn khối III.2 (học phần dạy-học bằng T.Pháp)		
	FLF1002**	Phương pháp luận nghiên cứu khoa học	3	3
		Cộng	22	31

Năm học 2027-2028

Học Kỳ 5				
TT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ/ tuần
25	POL1001	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	2
26	FRE2038	Ngôn ngữ học tiếng Pháp 1	3	3
27	FRE2047	Pháp ngữ học	3	3
28	FRE3061	Lý thuyết truyền thông	3	3

Học Kỳ 6				
TT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ/ tuần
31	HIS1001	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	2
32	FRE2039	Ngôn ngữ học tiếng Pháp 2	3	3
33	FRE2040	Giao tiếp liên văn hóa	3	3
34	FRE3062	Truyền thông doanh nghiệp	3	3

29	FRE2043	Ngữ dụng học tiếng Pháp	3	3
		Tự chọn IV.2.2 (SV có thể chọn học các HP nhóm này tại năm 3 hoặc năm 4)	6	6
30		Tự chọn khối III.2 (SV có thể chọn học các HP nhóm này tại kì 3 hoặc kì 5)	6	6
	PSF1050	Tâm lý học đại cương	3	3
	HIS1053**	Lịch sử văn minh thế giới	3	3
	FLF1057	Văn hóa các nước ASEAN	3	3
	FLF1052	Tư duy hình ảnh	3	3
	FLF1053	Thiết kế cuộc đời	3	3
	FLF1054	Thư pháp	3	3
	FLF1055	Cổ học tinh hoa	3	3
		Cộng	17	17

35		Tự chọn IV.2.2 (SV có thể chọn học các HP nhóm này tại năm 3 hoặc năm 4)	6	6
	FRE2045	Phân tích điển ngôn	3	3
	FRE2044	Ngữ nghĩa học	3	3
	FRE2035	Văn học Pháp ngữ	3	3
	FRE2046	Phân tích văn bản văn học	3	3
	FRE2056	Đặt nước học Pháp	3	3
		Cộng	14	14

Năm học 2028-2029

Học Kỳ 7				
TT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ/tuần
36	FRE3063	Truyền thông marketing	3	3
37-39		Tự chọn khối V.4.2 (SV có thể chọn học các HP nhóm này tại kì 7 hoặc kì 8)	9	9
	FRE3066	Xây dựng kế hoạch truyền thông	3	3
	FRE3067	Truyền thông đa phương tiện	3	3
	FRE3068	Truyền thông sự kiện	3	3
	FRE3069	Nghệ thuật kể chuyện	3	3
	FRE3047	Tiếng Pháp luật	3	3
	FRE3044	Tiếng Pháp hành chính – văn phòng	3	3
	FRE3060	Phương pháp giảng dạy tiếng Pháp kết hợp	3	3
	FRE3070	Quan hệ công chúng	3	3
		Tự chọn IV.2.2 (SV có thể chọn học các HP nhóm này tại kì 5 hoặc kì 6 - 7)		
	ENG3087	Giao tiếp liên văn hóa và giải quyết xung đột	3	3
	ENG3088	Kỹ năng thuyết trình	3	3
		Cộng	12	12

Học Kỳ 8				
TT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ/tuần
40	FRE3064	Thiết kế sản phẩm truyền thông	3	3
41	FRE3065	Văn hóa và Truyền thông	3	3
42	FRE4001	Thực tập	3	3
43-44	FRE4051	Khóa luận tốt nghiệp hoặc môn thay thế khóa luận tốt nghiệp	6	6
		Tự chọn khối V.4.2 (SV có thể chọn học các HP nhóm này tại kì 7 hoặc kì 8)	9	9
	FRE3020	Quản trị dự án	3	3
	FRE3034	Phiên dịch (Môn thay thế KLTN)	3	3
	FRE3017	Biên dịch (Môn thay thế KLTN)	3	3
	FRE3071	Thiết kế tài liệu giảng dạy và kiểm tra đánh giá	3	3
	FRE3072	Giảng dạy tiếng Pháp theo các mục tiêu đặc thù	3	3
	FRE3043	Tiếng Pháp giao tiếp trong kinh doanh	3	3
	ENG3089	Tiếng Anh kinh tế và doanh nghiệp	3	3
	ENG3090	Tiếng Anh phát triển nghề nghiệp	3	3
		Cộng	15	15

Tổng số tín chỉ toàn khóa:

129

Với các nhóm học phần tự chọn triển khai giảng dạy tại nhiều học kì, Sinh viên đã tích lũy đủ HP ở học kì này sẽ không tích lũy ở học kì khác.

TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(đã kí)

KT TRƯỞNG PHÒNG QUẢN LÝ NGƯỜI HỌC
(đã kí)

Hà Nội, ngày 20 tháng 03 năm 2025

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

(đã kí)

Đàm Minh Thủy

Nguyễn Quỳnh Hoa

Hà Lê Kim Anh

KẾ HOẠCH ĐÀO TẠO CỬ NHÂN KHÓA QH2025.F.1 (2025-2029)

Đơn vị: Khoa NN và VH Pháp

Ngành/ Định hướng: Ngôn ngữ Pháp (Định hướng Truyền thông)

Dành cho SV có năng lực tiếng Pháp bậc 4

CÁC HỌC PHẦN THUỘC KHỐI KIẾN THỨC CHUNG TRONG ĐHQGHN (Sinh viên đăng kí học theo kế hoạch năm học cụ thể. Số tín chỉ cho các học phần này không tính vào tổng số tín chỉ tích lũy của chương trình đào tạo)									
TT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Môn tiên quyết	TT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Môn tiên quyết
1		Giáo dục an ninh quốc phòng	8		2		Giáo dục thể chất	4	

CÁC MÔN HỌC THUỘC KHỐI KIẾN THỨC KHỐI NGÀNH VÀ CHUYÊN NGÀNH

Năm học 2025-2026

Học Kỳ 1				
TT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ/ tuần
1	HIS1056	Cơ sở văn hóa Việt Nam (SV có thể chọn học tại HKI hoặc HKII)	3	3
2		Ngoại ngữ B1	5	5
3	FRE2092	Tranh biện về các vấn đề xã hội	3	6
4	FRE2093	Các loại hình văn bản tiếng Pháp	3	6
	FRE2052	Nghệ thuật diễn thuyết trước công chúng	0	3
		Cộng	14	23

Học Kỳ 2				
TT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ/ tuần
5	PHI1006	Triết học Mác - Lênin	3	3
6	VLF1052	Nhập môn Việt ngữ học	3	3
7	INT1004	Tin học cơ sở 2	3	3
	FLF1018	Kỹ năng hỗ trợ	3	3
8	FRE2094	Tiếng Pháp giao tiếp đa phương tiện	3	6
9	FRE2090	Tiếng Pháp giao tiếp tổng hợp	3	3
10	FRE2052	Nghệ thuật diễn thuyết trước công chúng	3	3
		(Tiếng Pháp giao tiếp tổng hợp sv học trong 2 HK, HK thứ 2 mới tính điểm môn học và số tín chỉ)		
		Cộng	18	24

Năm học 2026-2027

Học Kỳ 3				
TT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ/ tuần
11	FLF1009	Tư duy sáng tạo và khởi nghiệp	3	3
12	PEC1008	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	2
13	FRE2084	Tiếng Pháp 3A	3	6
14	FRE2085	Tiếng Pháp 3B	3	6
15	FRE2095	Viết luận đại học	3	6
		Tự chọn khối II.2 (SV có thể chọn học các HP nhóm này tại HK 4 hoặc HK 5)	6	6
	FLF1007	Công nghệ thông tin & truyền thông	3	3
	FLF1015	Học tập cùng cộng đồng	3	3
16		Tự chọn khối III.2 (SV có thể chọn học các HP nhóm này tại kì 3 hoặc kì 5)	3	3
	FLF1059	Thống kê và phân tích dữ liệu trong nghiên cứu khoa học	3	3
	VLF1053**	Tiếng Việt thực hành	3	3
	PHI1051**	Logic học đại cương	3	3
	FLF1056	Tư duy phê phán	3	3
	FLF1050	Cảm thụ nghệ thuật	3	3
		Cộng	17	26

Học Kỳ 4				
TT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ/ tuần
17	PHI1002	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	2
18	FRE2087	Tiếng Pháp 4A	3	6
19	FRE2088	Tiếng Pháp 4B	3	6
20	THL1057	Nhà nước và pháp luật đại cương	2	2
21	FRE2086	Tiếng Pháp 3C	3	6
22-23		Tự chọn khối II.2	6	6
	FLF1010	Trí tuệ cảm xúc và giao tiếp xã hội	3	3
	FRE1003	Địa chính trị	3	3
	FRE1001B	Địa lí đại cương	3	3
	FRE1002	Môi trường và phát triển	3	3
	FLF1006	Tìm hiểu cộng đồng Châu Âu	3	3
	FLF1005	Tìm hiểu cộng đồng Châu Á	3	3
24		Tự chọn IV.2.2 (SV có thể chọn học các HP nhóm này tại kì 6 hoặc kì 7)	6	6
	FRE2091	Đọc hiểu chuyên đề	3	3
		Tự chọn khối III.2 (học phần dạy-học bằng T.Pháp)		
	FLF1002**	Phương pháp luận nghiên cứu khoa học	3	3
		Cộng	22	31

Năm học 2027-2028

Học Kỳ 5				
TT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ/ tuần
25	POL1001	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	2
26	FRE2038	Ngôn ngữ học tiếng Pháp 1	3	3
27	FRE2047	Pháp ngữ học	3	3
28	FRE3061	Lý thuyết truyền thông	3	3
29	FRE2043	Ngữ dụng học tiếng Pháp	3	3

Học Kỳ 6				
TT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ/ tuần
31	HIS1001	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	2
32	FRE2039	Ngôn ngữ học tiếng Pháp 2	3	3
33	FRE2040	Giao tiếp liên văn hóa	3	3
34	FRE3062	Truyền thông doanh nghiệp	3	3
35		Tự chọn IV.2.2 (SV có thể chọn học các HP nhóm này tại năm 3 hoặc năm 4)	6	6

		Tự chọn IV.2.2 (SV có thể chọn học các HP nhóm này tại năm 3 hoặc năm 4)	6	6
30		Tự chọn khối III.2 (SV có thể chọn học các HP nhóm này tại kì 3 hoặc kì 5)	6	6
	PSF1050	Tâm lý học đại cương	3	3
	HIS1053**	Lịch sử văn minh thế giới	3	3
	FLF1057	Văn hóa các nước ASEAN	3	3
	FLF1052	Tư duy hình ảnh	3	3
	FLF1053	Thiết kế cuộc đời	3	3
	FLF1054	Thư pháp	3	3
	FLF1055	Cổ học tinh hoa	3	3
		Cộng	17	17

	FRE2045	Phân tích điển ngôn	3	3
	FRE2044	Ngữ nghĩa học	3	3
	FRE2035	Văn học Pháp ngữ	3	3
	FRE2046	Phân tích văn bản văn học	3	3
	FRE2056	Đất nước học Pháp	3	3
		Cộng	14	14

Năm học 2028-2029

Học Kỳ 7				
TT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ/tuần
36	FRE3063	Truyền thông marketing	3	3
37-39		Tự chọn khối V.4.2 (SV có thể chọn học các HP nhóm này tại kì 7 hoặc kì 8)	9	9
	FRE3066	Xây dựng kế hoạch truyền thông	3	3
	FRE3067	Truyền thông đa phương tiện	3	3
	FRE3068	Truyền thông sự kiện	3	3
	FRE3069	Nghệ thuật kể chuyện	3	3
	FRE3047	Tiếng Pháp luật	3	3
	FRE3044	Tiếng Pháp hành chính – văn phòng	3	3
	FRE3060	Phương pháp giảng dạy tiếng Pháp kết hợp	3	3
	FRE3070	Quan hệ công chúng	3	3
		Tự chọn IV.2.2 (SV có thể chọn học các HP nhóm này tại kì 5 hoặc kì 6 -7)		
	ENG3087	Giao tiếp liên văn hóa và giải quyết xung đột	3	3
	ENG3088	Kỹ năng thuyết trình	3	3
		Cộng	12	12

Học Kỳ 8				
TT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ/tuần
40	FRE3064	Thiết kế sản phẩm truyền thông	3	3
41	FRE3065	Văn hóa và Truyền thông	3	3
42	FRE4001	Thực tập	3	3
43-44	FRE4051	Khóa luận tốt nghiệp hoặc môn thay thế khóa luận tốt nghiệp	6	6
		Tự chọn khối V.4.2 (SV có thể chọn học các HP nhóm này tại kì 7 hoặc kì 8)	9	9
	FRE3020	Quản trị dự án	3	3
	FRE3034	Phiên dịch (Môn thay thế KLTV)	3	3
	FRE3017	Biên dịch (Môn thay thế KLTV)	3	3
	FRE3071	Thiết kế tài liệu giảng dạy và kiểm tra đánh giá	3	3
	FRE3072	Giảng dạy tiếng Pháp theo các mục tiêu đặc thù	3	3
	FRE3043	Tiếng Pháp giao tiếp trong kinh doanh	3	3
	ENG3089	Tiếng Anh kinh tế và doanh nghiệp	3	3
	ENG3090	Tiếng Anh phát triển nghề nghiệp	3	3
		Cộng	15	15

Tổng số tín chỉ toàn khóa:

129

Với các nhóm học phần tự chọn triển khai giảng dạy tại nhiều học kì, Sinh viên đã tích lũy đủ HP ở học kì này sẽ không tích lũy ở học kì khác.

TRƯỜNG ĐƠN VỊ
(đã kí)

KT TRƯỞNG PHÒNG QUẢN LÝ NGƯỜI HỌC
(đã kí)

Hà Nội, ngày 20 tháng 03 năm 2025
KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

(đã kí)

Đàm Minh Thủy

Nguyễn Quỳnh Hoa

Hà Lê Kim Anh